



## HƯỚNG DẪN ĐỌC TOÀN VĂN BÁO CÁO KQNC



😊 **BẠN MUỐN ĐỌC NHANH  
NHỮNG THÔNG TIN CẦN THIẾT ?**

☞ **Hãy đọc qua Mục lục bên tay trái bạn trước khi  
đọc báo cáo** ( với Acrobat 4.0 trở lên, cho trỏ chuột vào  
mỗi đề mục để đọc toàn bộ dòng bị che khuất )

☞ **Chọn đề mục muốn đọc và nháy chuột vào đó**

😊 **BẠN MUỐN PHÓNG TO HAY THU NHỎ  
TRANG BÁO CÁO TRÊN MÀN HÌNH ?**

☞ **Chọn, nháy chuột vào 1 trong 3 kích thước  
có sẵn trên thanh Menu**



, hoặc

☞ **Mở View trên thanh Menu, Chọn Zoom to**

☞ **Chọn tỷ lệ có sẵn trong hộp kích thước  
hoặc tự điền tỷ lệ theo ý muốn, Nhấn OK**

*Chúc bạn hài lòng  
với những thông tin được cung cấp*

Bộ phận quản trị CSDL toàn văn KQNC  
P.508, 24 Lý Thường Kiệt, Hà Nội  
Tel.(04)-9-349-126

TONG CONG ĐOAN VIET NAM  
Chương trình 58.01

B) AO CAO TONG KET TOAN DIEN  
VE KET QUA NGHIEN CUU DE TAI.

Nghiên cứu thống kê phân tích Tai nạn lao động,  
tình hình bệnh tật, các yếu tố độc hại đi kèm  
lao động nặng nhọc của công nhân cao su.

Chi số phân loại : 58.01.05.01  
Số đăng ký : 81-58-188  
Chi số lưu trữ :

Viện nghiên cứu KHKT - Bảo hộ lao động  
Hà nội 1/1986.

TRUNG TÂM THÔNG TIN - TƯ LIỆU  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

524  
KHO LƯU TRỮ  
CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

524

Chủ nhiệm chương trình, PTS. Nguyễn An Lương, Viện trưởng Viện nghiên cứu KHKT Bảo hộ lao động.

Chủ nhiệm đề tài PTS. Lê thị Xuân Mai ? *Võ Hùng?*  
Phân viện Bảo hộ lao động, thành phố Hồ Chí Minh.

Phó Chủ nhiệm :

1. BS. Đoàn Huỳnh, Trưởng Ban Y tế Tổng Cục Cao su
2. BS. Nguyễn thị Kim, Phó phòng Vệ sinh lao động
3. CBNC Lê thị Xuân, Phó phòng Hóa lý, phân viện Bảo hộ lao động, thành phố Hồ Chí Minh.
4. BS. Đoàn Đào Hồng Liên, phân viện Bảo hộ lao động thành phố Hồ Chí Minh.

Các cán bộ nghiên cứu :

Phân II : KS. Nguyễn Xuân Thảo, phân viện Bảo hộ lao động thành phố Hồ Chí Minh.  
KS. Nguyễn Văn Vui

Phân III: BS. Nguyễn thị Lin, Đào Hồng Liên, Đoàn Huỳnh, Lê Mai Anh, Trần Xuân Thảo, Đặng thị Thảo, Nguyễn Tăng Hòa, Phạm Bích Ngân.

Phân IV : Lê thị Xuân Mai, Nguyễn thị Ngọc Dung, Hồ thị Ngọc Lan, Dương thị Hồng Loan, Đoàn Sáu, Phạm Vũ, Nguyễn Việt Trung, Phạm Cúc Khanh.

Phân V : Lê thị Xuân, Huỳnh Kim Liên, Ngô Ngọc Thanh Nguyễn Huy Hiệu, Nguyễn Hồng Hòa, Lê thị Xuân Mai.

Phân VI : Dương thị Hồng Loan, Nguyễn thị Ngọc Dung.

Ngày 5 tháng 12 năm 85      Ngày 13 tháng 12 năm 85      Ngày 8 tháng 1 năm 86  
Chủ nhiệm đề tài      Thủ trưởng Cơ quan      Chủ tịch Hội đồng đánh giá

*Khu*

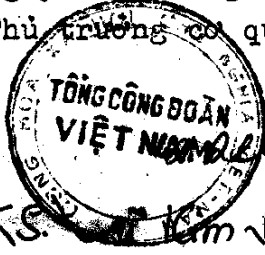
687 Võ Hùng



*Công Hải Lý*  
Ngày 20 tháng 01 năm 1986

HUYNH VĂN HOANG

Thủ trưởng cơ quan quản lý đề tài.



KS. *Kim Duyên*

## I. MỞ ĐẦU

Cao su là một ngành kinh tế đa dạng, vừa mang tính chất nông lâm nghiệp ( khai hoang, trồng mới, chăm sóc, khai thác mù ), vừa mang tính chất công nghiệp ( sơ chế mù cao su thành bán thành phẩm ) trong số đó đại bộ phận công nhân tập trung từng khu vực theo đội ( có khoảng 2.000 đội ) và nông trường xen giữa các vườn cao su , thường xa các trục giao thông chính, xa sông ngòi, xa chợ búa, xa trường học và bệnh viện.

Tại những nông trường cũ, có những công nhân lâu năm, gia đình công nhân sinh sống đã lâu đời, có nhà cửa vườn tược và đời sống tương đối ổn định. Các gia đình công nhân mới đến gần đây chưa có điều kiện cung cấp các đời sống, sinh hoạt còn nhiều tạm bợ. Ngoài tiêu chuẩn lương thực thực phẩm được mua cung cấp theo định lượng, hàng tháng ( thông thường là hàng quý ), phần đông gia đình công nhân phải tự cấp tự túc bằng mảnh đất nhỏ quanh nhà và treo đôi ít nhiều ở chợ.

Tại các nông trường với nhiệm vụ khai hoang, thi trồng mới là nhiệm vụ chủ yếu, cán bộ công nhân phần đông cũng mới đến. Từ các cơ quan đến các gia đình đều mới xây dựng mang tính chất tạm bợ, khó khăn thiếu thốn đủ điều : cây rừng đã dọn sạch, cao su chưa khép tán, mùa nắng nóng gắt, bụi đất đỏ mù mịt, nguồn nước sinh hoạt khô cạn phải tiếp bằng xe tải, mùa mưa đất đỏ quện chặt, độ ẩm ướt át. Công nhân phần đông mới đến, từ các tỉnh phía Bắc, nhiều nhất là vùng Thanh- Nghệ- Tĩnh, Bình- Trị- Thiên, chưa quen khí hậu, chưa hợp phong thổ, chưa quen nghề nghiệp, ốm đau bệnh tật nhiều. Mạng lưới y tế tuy đã trải rộng và rất mực cố gắng nhưng không làm sao đáp ứng kịp thời các nhu cầu phòng chữa bệnh của toàn bộ hệ thống các cơ quan trên dưới của

ngành cao su. Đó là chưa kể đến những chính sách, chế độ mang tính chất bao cấp từ hàng chục năm nay đang làm trở ngại cản trở việc phát huy tính chủ động, tính tích cực của cán bộ y tế hiện nay. Những ô dịch (dịch hạch, tả, lỵ, thương hàn, sốt rét đặc biệt là sốt rét ác tính) vẫn tồn tại từ lâu trước ngày giải phóng, hàng năm phát dịch trở lại, lúc chỗ này, lúc chỗ khác gây nhiều thiệt hại về ngày giờ công, về người và của, làm hao tổn nhiều công sức, thuốc men vào việc ngăn chặn đây lui cơn dịch. Trong môi trường thiên nhiên và hoàn cảnh kinh tế ấy cuộc sống văn hóa cũng chẳng làm sao đáp ứng được nhu cầu của công nhân. Ngoài những buổi chiếu phim ở cơ quan, công ty hay nông trường không đều đặn, những buổi văn nghệ hiếm hoi, báo chí tin tức hãn hủ, cuộc sống tinh thần sau giờ làm việc như không có gì. Người công nhân khai thác mỏ cao su rời nhà ra lô làm việc lúc còn ánh lửa đuốc cao su và ngừng hoạt động khi bắt mỏ cao su thay đèn dầu trong nhà tỏa sáng ít mà phả khói thì nhiều. Đường đi từ nhà ra lô cao su ít nhất là 2km, thông thường là 3 - 4 km, bèn tay linh kinh thùng mỏ, dao cạo. Tại những lô cao su già công nhân còn phải vác thang nữa. Chiếc thang có tuổi đời thường không ít hơn người công nhân cạo mỏ mấy, lúc còn mới đã 7 - 8 kg, qua tháng ngày, đỡ chân người cạo mỏ thì ít mà đè nặng lên vai nhiều hơn ấy được đắp vá thêm làm nặng đến 9 - 10 kg.

Mùa khai thác lại tập trung vào mùa mưa, ngay từ mở đất đã phải lội vào lô cao su, cỏ ướt ngập đầu gối, nước mưa đọng thấm ướt quần áo, rền độc muỗi vết quấy nhiều, trơn trượt (nhất là lúc leo thang), ở mỗi sụp ngã ..., luôn luôn là nguy cơ tai nạn không lường trước được, những cơn mưa thường ập đến lúc giữa trưa, ngã về chiều thường vào giờ trút mỏ. Tình cảnh lao động đó cũng trở nên nghiêm trọng hơn khi bảo hộ lao động dường như không có (nói đúng hơn là có cũng như không có bởi vì chẳng hạn một đôi giày 1 năm nhưng sùi không quá 1 tháng đã rách).

Các xí nghiệp chế biến cao su phần lớn đã cũ nát, nhà xưởng thấp nóng ẩm ướt. Một số khâu lao động còn quá thủ công phải dùng sức người nặng nhọc, ướt át suốt ca lao động. Ban ngày thì nóng bức nhưng lúc đêm về mùa mưa người công nhân cao su ca ba lại bị cảm lạnh.

Hậu quả chiến tranh của Đế quốc Mỹ còn thể hiện ở những tai nạn lao động do mìn trái nổ, do nhiễm độc.

Hoàn cảnh kinh tế xã hội văn hóa như vậy, môi trường và điều kiện sản xuất như vậy, đã ảnh hưởng không ít đến sức khỏe, năng lực công tác, làm hạn chế năng suất lao động trước mắt và lâu dài của hàng chục vạn công nhân (và tới đây dân số vùng cao su sẽ đến hàng triệu).

Vì vậy trong chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật trọng điểm của nhà nước về bảo hộ lao động (ký hiệu 58.01) do Tổng công đoàn chủ trì, Phân Viện Bảo hộ lao động tại thành phố Hồ Chí Minh được giao nhiệm vụ thực hiện đề tài "Nghiên cứu thống kê phân tích tai nạn lao động, tình hình bệnh tật, các yếu tố độc hại, điều kiện lao động nặng nhọc của công nhân cao su" (đề tài mang ký hiệu 58.01.05.01) nhằm đề xuất những kiến nghị về cải tiến, xây dựng chế độ chính sách và các giải pháp cải thiện điều kiện làm việc, giảm bớt bệnh tật, tăng cường năng lực cho công nhân cao su.

Đề tài đã tiến hành được 4 năm nay, đã được tổng kết trong các báo cáo khoa học của các đề mục. Sau đây là những nội dung chủ yếu của các đề mục đó :

## II. THÔNG KÊ PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TAI NAN LAO ĐỘNG.

### A.- ĐẤT VAN ĐE.

Tai nạn lao động thực chất không phải là hiện tượng ngẫu nhiên mà mang tính nhân quả rõ rệt trong mối quan hệ NGƯỜI - MÁY- MÔI TRƯỜNG mỗi khi điều kiện sản xuất

có nhiều thiếu sót do chủ quan hoặc khách quan. Hiện nay nhiều ngành công nghiệp đã tích lũy được nhiều tài liệu về tai nạn lao động, nhưng ngành cao su chưa hề có.

Do điều kiện lao động sản xuất còn thấp kém, do tính chất sản xuất khá đa dạng nên tai nạn lao động cũng đa dạng và trầm trọng.

Để có phương hướng quy hoạch công tác bảo hộ lao động cần có thông tin định hướng về tai nạn lao động, tức là phải thống kê phân tích tai nạn lao động, tình hình tính chất, nguyên nhân và từ đó rút ra những quy luật diễn biến.

## B - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TAI NẠN LAO ĐỘNG

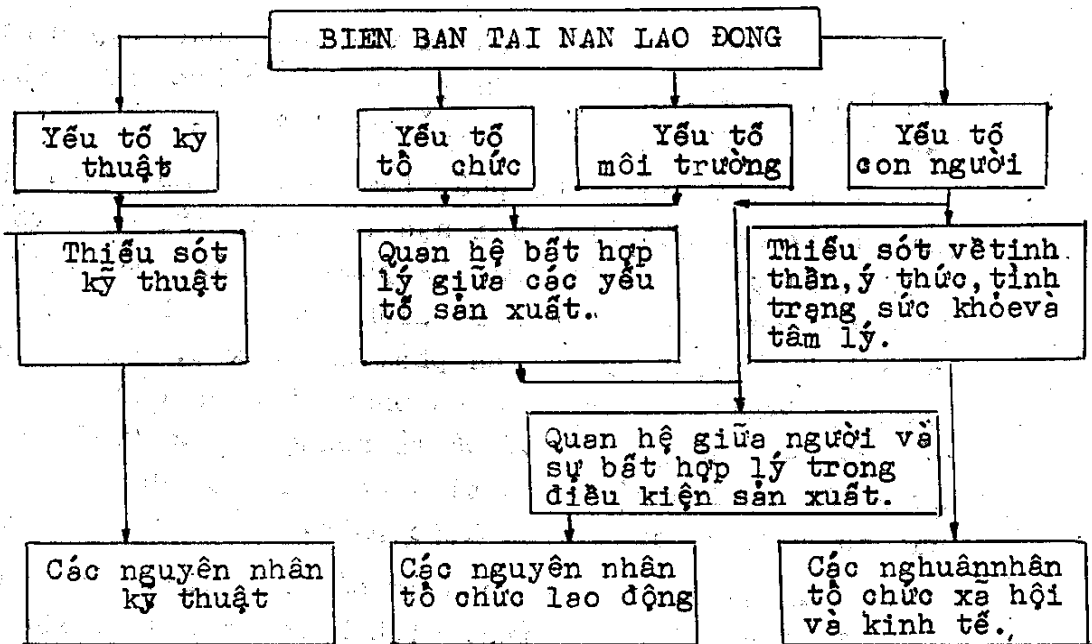
### a/ Phân tích nguyên nhân

Nhằm làm sáng tỏ những thiếu sót, những bất hợp lý trong mối quan hệ giữa các yếu tố sản xuất với nhau và con người dẫn đến nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, phân tích là cơ sở xây dựng biện pháp cụ thể phòng chống tai nạn lao động. Vì vậy cần phải làm sáng tỏ từng yếu tố sản xuất :

- Bản thân người lao động ( thời gian, cường độ nhịp điệu lao động, trạng thái sức khỏe và tâm lý...v.v.)
- Môi trường lao động
- Kỹ thuật và tổ chức lao động

Có thể trình bày công việc phân tích tai nạn lao động như sau :

(Sơ đồ ở trang bên)



b/ Phân tích hiện tượng tai nạn lao động

Nhằm phát hiện mức độ quan hệ giữa nguyên nhân phát sinh và từng yếu tố hay từng tập hợp yếu tố sản xuất. Muốn tìm ra mối quan hệ có tính quy luật thì phải dựa trên số liệu các vụ tai nạn lao động và phải nhờ đến các phép toán học thống kê phổ biến.

c/ Dự báo tình hình và triển vọng phát sinh tai nạn lao động

Là mục đích cuối cùng của phân tích tai nạn lao động. Phân tích tai nạn lao động về thực chất không phải là công việc chữa cháy mà để có phương hướng phòng ngừa nguy cơ phát sinh.

Trên cơ sở phân tích các mối quan hệ ảnh hưởng của các yếu tố sản xuất trong hệ thống sản xuất đối với nguy cơ phát sinh tai nạn lao động để xác định tai nạn lao động hiện tại, quy luật phát sinh và phát triển tai nạn lao động.



Thông thường sử dụng các phương pháp dự báo như sau :

- Sử dụng kinh nghiệm và tri thức của chuyên gia. Đòi hỏi có tập thể chuyên gia có khả năng trong khu vực kinh tế mới như cao su là khó khăn.

- Mô hình hóa, cho phép làm sáng tỏ mối quan hệ giữa nguyên cơ phát sinh tai nạn lao động với đồng thời nhiều yếu tố sản xuất. Đây là phương pháp toán học có ý nghĩa nhưng để có được mô hình hợp lý, chấp nhận được thì dữ kiện phân tích phải chính xác, nhất quán trong phương pháp thu mẫu và phân tích và cũng cần có mẫu với số lượng đủ lớn. Đó là những khó khăn mà trong bước đầu nghiên cứu phân tích tai nạn lao động ngành cao su chưa có điều kiện khắc phục.

- Ngoại suy : Dựa trên cơ sở phân tích xác lập một hàm số tĩnh (mô hình tĩnh) định hướng cho việc xác lập qui hoạch ngăn ngừa tai nạn lao động trong tương lai. Trong tình hình số liệu được cung cấp hiện nay, chỉ có thể dự đoán sự phát triển tỉ lệ tai nạn lao động bằng phép ngoại suy này.

### C. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH.

Số liệu phân tích tai nạn lao động do Vụ lao động tiền lương của Tổng cục cao su cung cấp. Ngoài ra có thu thập một số liệu chi tiết ở các công ty Đồng nai, Lộc ninh.

Tai nạn lao động viết tắt là : TNLD

Tai nạn lao động không chết người : TNLD(K)

Tai nạn lao động có chết người : TNLD(C)

Số liệu thu thập được từ năm 1977 đến 1983, so với toàn bộ số tai nạn lao động, thì TNLD(C) chiếm 8,4%, và TNLD(K) chiếm là 91,6%. Tai nạn lao động nhìn chung (chết người và không chết người) đều có giảm từ năm 1980 trở lại đây.

a) Phân tích tai nạn lao động theo khu vực sản xuất.

Cao su là ngành kinh tế đa dạng phân bố không đồng đều, trên nhiều khu vực với những tính chất lao động khác nhau. Nay tạm chia làm 5 khu vực : Vườn cây vận tải, chế biến, cơ khí phục vụ, và xây dựng cơ bản.

Bảng I : Tỷ lệ TNLĐ(C) và (K) so với tổng số TNLĐ trong suốt 7 năm được phân bố theo các khu vực sau :

	Vườn cây	Vận tải	Chế biến	Cơ khí	Xây dựng
TNLĐ(K)%	29,4	26,3	20,7	8,0	6,5
TNLĐ(C)%	5,4	2,5	0,2	0,2	0,2
Tổng TNLĐ	34,8	28,8	20,9	8,2	6,7

Như vậy thấy rõ trong khu vực vườn cây, tai nạn xảy ra nhiều nhất cả 2 dạng chết người và không chết người. Khu vực vận tải tỷ lệ TNLĐ cũng cao với tỷ lệ chết người cũng đáng kể.

b) Phân tích tai nạn lao động theo yếu tố sản xuất:

Các yếu tố sản xuất trong ngành cao su cũng đa dạng nhiều yếu tố nảy sinh trong quá trình sản xuất máy móc do dây chuyền sản xuất. Cũng có những yếu tố rất ngẫu nhiên không nảy sinh từ trong lòng bản thân hoạt động sản xuất mà chỉ xuất hiện trong môi trường như : rắn cắn, mìn trái nổ, ô mồi sụp ... Vì vậy sự diễn giãi những yếu tố sản xuất ở đây thật chỉ có nghĩa rất tương đối.

Trong khu vực chế biến thường hay xảy ra các biến cố như : đập, đứt, hỏng, cửa cán, diên giát.

Trong vườn cây nơi khai thác thường xảy ra các biến cố như : trèo thang bị té, cành cây rơi gãy, dẫm